

NHCH ÔN TẬP KTGHKI

Câu 1: Hệ điều hành là nơi?

- A. Phần cứng khai thác hiệu quả của phần mềm
- B. Phần mềm ứng dụng khai thác hiệu quả phần cứng
- C. Giúp con người liên lạc với nhau
- D. Các ứng dụng được sử dụng như một công cụ chèn

Câu 2: Cơ chế "plug & play" giúp hệ điều hành?

- A. nhận biết thiết bị ngoại vi và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
- B. Nhận biết thiết bị nội hàm và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
- C. Xóa bỏ thiết bị ngoại vi và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
- D. Nhận biết thiết bị ngoại vi và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động

Câu 3: Tiêu chí quan trọng nhất đối với máy tính cá nhân dành cho người dùng phổ thông là?

- A. Đẹp đẽ và khó tiếp cận
- B. Chỉ sử lý được một phần của vấn đề
- C. Phức tạp hóa vấn đề
- D. Thân thiện và dễ sử dụng

Câu 4: Hai hệ điều hành phổ biến cho thiết bị di động?

- A. MAC và JAVA
- B. iOS và Android
- C. CONTROL và BETA
- D. Android và QC

Câu 5: Windows 7 ra đời vào năm?

- A. 2010
- B. 2009
- C. 2007
- D. 2012

Câu 6: Windows phiên bản 1 được phát hành vào năm?

- A. 1985
- B. 2000
- C. 1990
- D. 1979

Câu 7: LINUX được phát triển từ những năm?

- A. 1977
- B. 1969
- C. 1989
- D. 2009

Câu 8: Cửa sổ là?

- A. Một vùng hình vuông trên màn hình dành cho một ứng dụng
- B. Một vùng hình chữ nhật trên màn hình dành cho nhiều ứng dụng
- C. Nhiều vùng hình chữ nhật trên màn hình dành cho một ứng dụng
- D. Một vùng hình chữ nhật trên màn hình dành cho một ứng dụng

Câu 9: Chức năng nào **KHÔNG** phải của hệ điều hành?

- A. Quản lý thiết bị, lưu trữ dữ liệu
- B. Tổ chức thực hiện chương trình
- C. Cung cấp môi trường giao tiếp, tiện ích, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng máy tính
- D. Cung cấp thiết bị số và chuyển đổi số

Câu 10: Phần cứng là?

- A. Thiết bị xử lý thông tin
- B. Thiết bị download phần mềm
- C. Thiết bị đổi tên phần mềm
- D. Thiết bị bán dẫn

Câu 11: Chức năng không phải của hệ điều hành là:

- A. Quản lý thiết bị và quản lý việc lưu trữ dữ liệu.
- B. Là môi trường để chạy các ứng dụng.
- C. Cung cấp môi trường giao tiếp với người sử dụng và một số tiện ích giúp nâng cao hiệu quả máy tính.
- D. Tăng giá trị của máy tính.

Câu 12: Thành phần cơ bản của giao diện đồ họa trong hệ điều hành máy tính cá nhân không gồm

- A. Cửa sổ
- B. Biểu tượng
- C. Chuột
- D. Loa

Câu 13: Cho phần thông tin sau, hãy hoàn thiện chỗ còn thiếu bằng cách chọn A, B, C, D sao cho hợp lý: là một phần mềm cơ bản được cài đặt trực tiếp trên thiết bị đó.

- A. Hệ loại bỏ
- B. Hệ điều hành
- C. Hệ điều khiển
- D. Hệ tiếp nhận

Câu 14: Cho phần thông tin sau, hãy hoàn thiện chỗ còn thiếu bằng cách chọn A, B, C, D sao cho hợp lý: ... tài nguyên, phân quyền, bảo mật, cũng như cung cấp các dịch vụ và tiện ích cho các ứng dụng.

- A. Loại bỏ
- B. Đốc thúc
- C. Quản trị
- D. Quản lý

Câu 15: Cho phần thông tin sau, hãy hoàn thiện chỗ còn thiếu bằng cách chọn A, B, C, D sao cho hợp lý: Hệ điều hành cũng là nguồn gốc của giao diện người dùng, và giúp người dùng với các ứng dụng và các tài nguyên khác trên thiết bị đó.

- A. Tương tác
- B. Giao tiếp
- C. Tiếp cận
- D. Loại bỏ

Câu 16: Chức năng của hệ điều hành là

- A. Quản lý thời gian sử dụng Internet.
- B. Giúp chuyển các phần mềm có tính phí thành phần mềm miễn phí.
- C. Cung cấp các tiện ích như mở khóa phần mềm có bản quyền.

D. Cung cấp các tiện ích nâng cao như định dạng đĩa, nén tệp,...

Câu 17: Thành phần cơ bản của giao diện đồ họa trong hệ điều hành máy tính cá nhân gồm

A. Phím số B. Biểu tượng C. Bàn phím D. Màn hình

Câu 18: Hệ điều hành Windows được phát triển và phân phối bởi

A. Windows XP

C. Microsoft

B. UNIX

D. iOS

Câu 19: Hệ điều hành LINUX có nguồn gốc từ hệ điều hành nào dưới đây?

A. Windows XP

B. UNIX

C. Android

D. iOS

Câu 20: Quá trình hình thành và phát triển của hệ điều hành máy tính cá nhân có liên quan chặt chẽ đến tiêu chí nào?

A. Có nhiều tiện ích nâng cao.

B. Sự thân thiện, dễ sử dụng.

C. Điều khiển một cách tự động.

D. Giá thành rẻ.

Câu 21: Loại máy tính mạnh nhất là?

A. Máy tính mini

C. Siêu máy tính

B. Máy tính lớn

D. Máy vi tính

Câu 22: là hệ điều hành được sử dụng rộng rãi nhất?

A. Windows

C. UNIX

B. Mac OS

D. Linux

Câu 23: Đây là hệ điều hành phổ biến nhất với những người thiết kế đồ họa và những người làm việc trong lĩnh vực thông tin đại chúng?

A. UNIX

C. Linux

B. Windows Vista

D. Mac O

Câu 24: Mỗi lần hệ thống máy tính khởi động, hệ điều hành nạp những phần nào vào bộ nhớ?

A. Các trình quản lý thiết bị.

C. Các trình điều khiển thiết bị.

B. Các bản cập nhật trình điều khiển

D. Các bản cập nhật Windows.

Câu 25: Một số trình duyệt Web phổ biến hiện nay là?

A. Mozilla FireFox, Microsoft Edge, Google Chrome.

B. Zalo

C. Facebook

D. AI, Chat GPT

Câu 26: Các phát biểu nào sau, phát biểu nào là đúng?

A. Tên file không được chứa khoảng trắng

C. Tên file được dài trên 255 ký tự

B. Tên file được chấp nhận ký tự #

D. Tên file không nên có dấu tiếng Việt

Câu 27: Làm thế nào để hiển thị một shortcut menu cho một mục trên màn hình nền Windows?

A. Nhấp chuột trái

C. Nhấp đúp vào một trong hai nút chuột

B. Chạm vào bánh xe cuộn (scroll wheel)

D. Nhấp chuột phải.

Câu 28: Thuộc tính chỉ đọc của một file có ý nghĩa?

A. Cho phép xem, sửa, xóa nội dung file đó

B. Xem được nội dung, nhưng không cho chỉnh sửa

C. Không xem được nội dung file đó

D. Không cho phép sao chép, di chuyển file đó

Câu 29: Mối quan hệ giữa phần cứng, phần mềm ứng dụng và hệ điều hành là

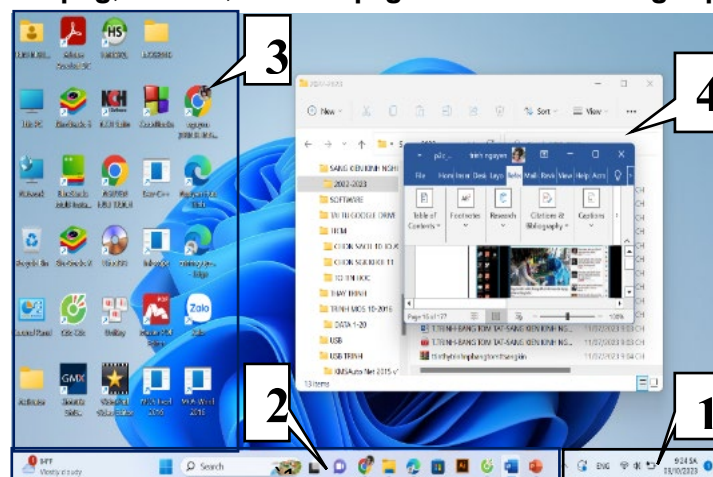
A. Phần mềm ứng dụng và phần cứng là môi trường giúp hệ điều hành hoạt động.

B. Phần cứng là thiết bị xử lý thông tin, hệ điều hành là môi trường trung gian giúp phần mềm ứng dụng khai thác phần cứng.

C. Phần cứng là môi trường trung gian giúp hệ điều hành khai thác phần mềm.

D. Phần mềm ứng dụng là môi trường trung gian giúp hệ điều hành khai thác phần cứng.

Câu 30: Em hãy nhận diện và sắp xếp cho đúng vị trí màn hình nền để biết vị trí các **đối tượng** trên màn hình như **biểu tượng**, **cửa sổ**, **thanh trạng thái** và **thanh công việc**.



- A. 1-(Thanh trạng thái[**Status bar**]), 2-(Thanh công cụ[**Stasbar bar**]), 3 (Cửa sổ ứng dụng), 4 (Biểu tượng của các đối tượng)
- B. 1-(Thanh trạng thái[**Status bar**]), 2-(Thanh công cụ[**Stasbar bar**]), 3 (Biểu tượng của các đối tượng), 4 (Cửa sổ ứng dụng)
- C. 1-(Thanh trạng thái[**Status bar**]), 2 (Cửa sổ ứng dụng), 3-(Thanh công cụ[**Stasbar bar**]), 4 (Biểu tượng của các đối tượng)
- D. 1-(Thanh công cụ[**Stasbar bar**]), 2 (Cửa sổ ứng dụng), 3 (Biểu tượng của các đối tượng), 4-(Thanh trạng thái[**Status bar**]),

Câu 31: Loại phần mềm theo chuyển giao sử dụng là?

- A. Phần mềm thương mại, phần mềm tự do, phần mềm nguồn đóng
- B. Phần mềm thương mại, phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở
- C. Phần mềm thương mại, phần mềm tự do
- D. Phần mềm đóng gói

Câu 32: Phần mềm thương mại là?

- A. Phần mềm miễn phí
- B. Phần mềm cung cấp toàn bộ chức năng của máy tính
- C. Là phần mềm thống trị
- D. Phần mềm sản xuất ra để bán

Câu 33: Phần mềm nguồn mở là?

- A. Phần mềm cung cấp cả mã nguồn để người dùng có thể tự sửa đổi, cải tiến, phát triển
- B. Là một phần mềm không được cung cấp mã nguồn mà sử dụng theo 1 chiều của mã sản xuất
- C. Phần mềm bán lẻ nhất thế giới
- D. Phần mềm có thể mở tất cả trường trình trên MacOS

Câu 34: Giấy phép được áp dụng rộng rãi nhất là?

- A. GLU GPL
- B. GNU GPN
- C. GLU GPN
- D. GNU GPL

Câu 35: Điều nào sau đây là một hạn chế tiềm ẩn để sử dụng phần mềm miễn phí?

- A. Phần mềm miễn phí sẽ chỉ chạy trong 30 ngày
- B. Phần mềm miễn phí thì thường có nhiều khiếm khuyết
- C. Phần mềm miễn phí không tương thích với Windows 7
- D. Thường có hỗ trợ rất hạn chế cho phần mềm miễn phí

Câu 36: Con người, quy trình, phần mềm, phần cứng và dữ liệu là năm thành phần của một?

- A. Hệ thống phần mềm
- B. Hệ thống thông tin
- C. Ông nghệ thông tin
- D. Quản trị phần mềm

Câu 37: Phần mềm thương mại có mấy loại?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 38: “LÀ nguồn thu nhập chính của các tổ chức”. Đây là vai trò của phần mềm nào?

- A. Phần mềm nguồn mở
- B. Phần mềm thương mại
- C. Phần mềm chạy trên internet
- D. Phần mềm bán dẫn

Câu 39: Phần mềm chạy trên internet là?

- A. Phần mềm chỉ sử dụng cho các doanh nghiệp lớn
- B. Phần mềm cần mua bản quyền để sử dụng
- C. Phần mềm không cần có kết nối internet
- D. Phần mềm sử dụng trực tiếp trên internet mà không cần cài đặt vào máy

Câu 40: Loại phần mềm nào làm việc với người dùng cuối, phần mềm ứng dụng và phần cứng để điều khiển phần lớn các chi tiết kỹ thuật?

- A. Phần mềm hệ thống
- B. Phần mềm ứng dụng
- C. Phần mềm giao tiếp
- D. Thiết kế đồ họa

Câu 41: _____ được tập trung vào các lĩnh vực và nghề nghiệp cụ thể?

- A. Chương trình tiện ích
- B. Ứng dụng chuyên dụng
- C. Ứng dụng cơ bản
- D. Tất cả đều sai

Câu 42: Phần mềm cho phép máy tính tương tác với người sử dụng, ứng dụng và phần cứng được gọi là

- A. Phần mềm hệ thống
- B. Trình xử lý văn bản
- C. Phần mềm cơ sở dữ liệu
- D. Cơ sở dữ liệu

Câu 43: Chi phí cho phần mềm nguồn mở?

A. Mất phí mua phần mềm và chuyển giao

B. Chỉ mất phí chuyển giao nếu có

C. Chỉ mất phí mua phần mềm

D. Được hỗ trợ miễn phí 100%

Câu 44: Tính minh bạch của phần mềm thương mại nguồn đóng?

A. Có thể nhìn và kiểm soát đồ đã cài

B. Không kiểm soát được mã nguồn

C. Có thể kiểm soát được mã nguồn

D. Khó kiểm soát những gì đã cài cắm bên trong

Câu 45: Phần mềm thương mại văn phòng?

A. Microsoft Word, Excel, PowerPoint, Access.

B. Mysql

C. Windows

D. Linux

Câu 46: Đây là hệ quản trị cơ sở dữ liệu của phần mềm thương mại?

A. Oracle, SQL server

C. Data

B. Google Form

D. Chat GPT

Câu 47: Sự phụ thuộc của ngòi dùng vào phần mềm nguồn mở?

A. Được cộng đồng phát triển theo chuẩn chung, không phụ thuộc vào riêng ai

B. Được phát triển theo chuẩn chung, phụ thuộc vào người tạo ra

C. Được sử dụng và phát triển theo kế hoạch của chủ nhân phần mềm

D. Được phát triển và sử dụng động quyền

VẬN DỤNG

Câu 48: Ví dụ về phần mềm đặt hàng?

A. JAVA

C. Grab Driver

B. Control Panel

D. Sci-hub

Câu 49: Đây là ví dụ về phần mềm nguồn mở?

A. GIMP

C. UNIX

B. Bee mine

D. Linux

Câu 50: Đây là ví dụ về phần mềm thương mại?

A. UNIX

C. Linux

B. Windows Vista

D. Adobe Photoshop

Câu 51: Ưu điểm của phần mềm nguồn mở?

A. Người dùng tùy biến thế nào cũng được

B. Tính linh hoạt cao và có cộng đồng phát triển đông đảo

C. Không bao giờ xảy ra lỗi

D. Được bảo hành trọn đời

Câu 52: Loại phần mềm ứng dụng nào là thích hợp nhất để lưu trữ và tổ chức một số lượng lớn thông tin bao gồm các mối quan hệ dữ liệu phức tạp?

Một chương trình kế toán.

Một chương trình quản lý cơ sở dữ liệu.

Một chương trình bảng tính

Một chương trình xử lý văn bản.

Câu 53: Bộ xử lý trung tâm là?

A. Thành phần quan trọng nhất của máy tính, đảm nhận việc thực hiện các tín hiệu đầu ra của máy tính

B. Thành phần kém quan trọng nhất của máy tính, đảm nhận việc thực hiện các chương trình máy tính

C. Là phần mềm thống trị

D. Thành phần quan trọng nhất của máy tính, đảm nhận việc thực hiện các chương trình máy tính

Câu 54: CPU được cấu tạo từ hai bộ phận chính là?

A. Bộ số học và logic; Bộ điều khiển

B. Bộ điều khiển và bộ tính toán

C. Bộ điều khiển và bộ xóa

D. Bộ thư mục và bộ giải nén

Câu 55: RAM là gì?

A. Phần cứng xử lý thông tin và lưu trữ

B. Phần mềm xử lý hình ảnh

C. Bộ nhớ có thể ghi được, dùng để lưu dữ liệu tạm thời khi chạy các chương trình, và giữ được lâu dài

D. Bộ nhớ có thể ghi được, dùng để lưu dữ liệu tạm thời khi chạy các chương trình, nhưng không giữ được lâu dài

Câu 56: ROM là gì?

- A. Bộ nhớ chỉ có thể đọc, có thể ghi hay xoá. ROM được dùng để lưu các dữ liệu hệ thống cố định và các chương trình kiểm tra hay khởi động máy tính.
- B. Bộ nhớ chỉ có thể đọc, không thể ghi hay xoá. ROM được dùng để lưu các dữ liệu hệ thống cố định và các chương trình kiểm tra hay khởi động máy tính.
- C. Phần để lưu thông tin thừa và rác
- D. Phần xử lý thông tin rác và thông tin chưa hoàn chỉnh

Câu 57: Bộ nhớ ngoài bao gồm?

- A. Hệ thống phần mềm
- B. Các loại đĩa từ, đĩa thẻ rắn hay đĩa quang
- C. Các thanh công cụ chỉnh sửa
- D. Quản trị phần mềm

Câu 58: Bộ nhớ ngoài dùng để?

- A. Sử dụng để lưu trữ dữ liệu lâu dài, không cần nguồn nuôi, có dung lượng lớn
- B. Sử dụng để lưu trữ dữ liệu ngắn hạn, cần nguồn nuôi, có dung lượng lớn
- C. Sử dụng để lưu trữ dữ liệu lâu dài, cần nguồn nuôi, có dung lượng lớn
- D. Không đáp án nào đúng

Câu 59: Các đại lượng logic chỉ nhận giá trị "Đúng" hoặc "Sai", được thể hiện bằng?

- A. bit 1 và 0
- B. bit 1 và 10
- C. bit 11 và 0
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 60: Trong hệ nhị phân, giá trị của mỗi chữ số được tính bằng?

- A. 2^{k-2}
- B. 2^{k-1}
- C. 2^k
- D. 2^{k-n}

Câu 61: Trong phép cộng, khi số nhớ là 1, thì hai số đều là?

- A. 11
- B. 00
- C. 0
- D. 1

Câu 62: Phép hoặc loại trừ XOR cho kết quả bằng 1 khi?

- A. Các đại lượng không có giá trị
- B. các đại lượng giống nhau
- C. các đại lượng khác nhau
- D. các đại lượng trùng nhau

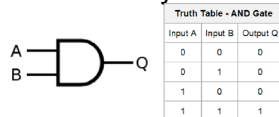
Câu 63: Các tham số của bộ nhớ trong bao gồm dung lượng và thời gian truy cập trung bình, việc giảm thời gian truy cập bộ nhớ trong có ý nghĩa?

- A. Quản trị phần mềm virus
- B. Giảm dữ liệu rác
- C. Nâng cao hiệu suất tổng thể của máy tính.
- D. Giảm thiểu hiệu năng CPU

Câu 64: Giá trị của chữ số 10011 là?

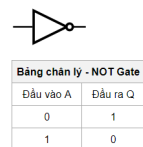
- A. 19
- B. 20
- C. 18
- D. 21

Câu 65: Đây là mô hình và bảng của cổng nào?



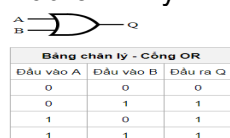
- A. NOT
- B. OR
- C. AND
- D. XOR

Câu 66: Đây là mô hình của cổng nào?



- A. NOT
- B. AND
- C. OR
- D. XOR

Câu 67: Đây là mô hình của cổng nào?



- A. AND
- B. NOT
- C. XOR
- D. OR

Câu 67: Đây là mô hình của cổng nào?



Bảng chân lý - Cổng XOR		
Đầu vào A	Đầu vào B	Đầu ra Q
0	0	0
0	1	1
1	0	1
1	1	0

A. AND B. XOR C. OR D. NOT

Câu 69: Giá trị của số 10 trong hệ nhị phân?

A. 0011 B. 1100 C. 1010 D. 0101

Câu 70: Giá trị của số 1001 trong hệ thập phân?

A. 11 B. 8 C. 10 D. 9

VẬN DỤNG CAO

Câu 71: Số nhị phân 1010001 bằng số kết quả của phép tính thập phân nào?

A. $10 + 10$ B. $9 + 9$ C. 10×10 D. 9×9

Câu 72: Kết quả số thập phân 132 là của phép tính hệ nhị phân nào sau đây?

A. $1011 + 1100$ B. 1001×1101 C. $1100 + 1100$ D. 1011×1100

Câu 73: Số nhị phân 10011 là kết quả của số thập và và nhị phân nào?

A. $9 - 1100$ B. $8 + 1011$ C. 7×1101 D. Không đáp án nào đúng

Câu 74: Thiết bị vào cho phép nhập dữ liệu là?

A. Màn hình, bàn phím, máy fax,...

C. Bàn phím, chuột, màn hình,...

B. Chột, màn hình, máy in,...

D. Bàn phím, chuột, camera số,...

Câu 75: Thiết bị ra chuyển thông tin ra ngoài?

A. Màn hình, máy in, máy chiếu

C. Bộ điều khiển

B. Màn hình, bàn phím, chuột

D. Máy in, máy fax, chuột

Câu 76: Những thiết bị trao đổi thông tin hai chiều với máy tính thì được coi?

A. Thiết bị đa dụng B. Thiết bị 1 chiều C. Thiết bị lưu truyền D. Thiết bị vào - ra

Câu 77: Thiết bị vào phổ biến nhờ dễ điều khiển chính xác là?

A. Máy in B. Chuột C. Bàn phím D. Nút off

Câu 78: Hai thông số quan trọng của chuột là?

A. Phương thức kết nối và độ phân giải (dpi)

B. Độ nhanh và chậm

C. Độ phân giải và độ trơn

D. Không đáp án nào đúng

Câu 79: Thiết bị ra phổ biến nhất là?

A. Máy quang phổ B. Màn hình C. Máy in D. Máy Fax

Câu 80: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Cách kết nối. với máy tính phụ thuộc vào loại thiết bị.

A. Thiết bị số

B. Thiết bị kết nối

C. Thiết bị hành nghề

D. Linh kiện máy tính

Câu 81: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Mỗi loại thiết bị sẽ có các và giao thức truyền tải dữ liệu riêng, do đó cần có các phương pháp kết nối khác nhau.

A. Dây kết nối

C. Phích cắm

B. Ổ cắm

D. Cổng kết nối

Câu 82: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Một số thiết bị như chuột, bàn phím, máy in sử dụng cổng để kết nối với máy tính.

A. USB

C. X-OR

B. HDMI

D. NOT

Câu 83: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Một số thiết bị khác như màn hình, máy chiếu và máy quay phim có thể sử dụng các cổng khác như VGA, hoặc DisplayPort.

A. USB type C

B. HDMI

C. USB type A

D. Cổng P/S

Câu 84: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Các thiết bị không có cổng kết nối với máy tính có thể được kết nối thông qua mạng

- A. Telegram
- B. Dropbox

- C. Wi-Fi hoặc Bluetooth
- D. LAN

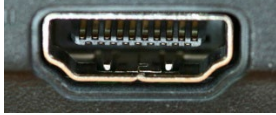
Câu 85: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Để kết nối thiết bị số với thì người dùng cần phải tìm hiểu về loại cổng kết nối và dữ liệu mà thiết bị đó sử dụng, sau đó tìm kiếm dây cáp hoặc phụ kiện kết nối phù hợp để đảm bảo việc kết nối được thực hiện đúng cách.

- A. Máy tính; Giao thức truyền tải
- B. Máy tính; Ổ cứng
- C. Máy tính; USB
- D. Máy tính; Máy in

VẬN DỤNG

Câu 86: Đây là cổng gì?



- A. HDMI
- B. RCA
- C. VGA
- D. USB

Câu 87: Đây là cổng gì?



- A. HDMI A
- B. VGA
- C. RCA
- D. USB

Câu 88: Ảnh sau mô tả cổng kết nối nào?



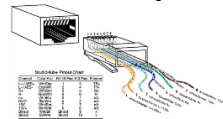
- A. USB type A
- B. USB type C
- C. USB type B
- D. USB type D

Câu 89: Đây là mô hình của cổng nào?



- A. HDMI C
- B. HDMI A
- C. USB type A
- D. USB type C

Câu 90: Đây là mô hình của cổng nào?



- A. USB type C
- B. RJ-45
- C. RCA
- D. HDMI A

Câu 91: Đây là đầu nối gì?



- A. RCA
- B. Display Port
- C. TRS 3.5 mm
- D. USB type A

Câu 92: Đây là cổng kết nối nào?



- A. TRAST A
- B. USB type A
- C. RCA
- D. VGA

Câu 93: Internet giúp khắc phục giới hạn lưu trữ bằng ?

- A. Phân phối bán lẻ bộ nhớ
- B. Cho người dùng thuê bộ nhớ
- C. Bắt người dùng mua phần mềm thứ 3
- D. Các dịch vụ chia sẻ tệp tin trực tuyến.

Câu 94: Những nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ trực tuyến như?

- A. Tất cả đều đúng
- B. Google Drive
- C. One Drive
- D. iCloud và Dropbox

Câu 95: Người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ và được cấp một không gian lưu trữ trực tuyến gọi là?

- A. Nhà lưu trữ
- B. Cầu kết nối
- C. Bút online
- D. Đĩa trực tuyến

Câu 96: Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?

- A. Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
- B. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
- C. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
- D. Thích vào thư mục của ai cũng được

Câu 97: Chủ sở hữu quyết định quyền của người được chia sẻ với ba chế độ?

- A. Xem, xóa, khôi phục
- B. Xem, nhận xét, chỉnh sửa
- C. Xem, mua, bán
- D. Xem, tải về, lấy tài khoản

Câu 98: Quyền chỉnh sửa là?

- A. Không đáp án nào đúng
- B. Là quyền lấy được tài khoản lưu trữ
- C. Là quyền chỉ cho xem
- D. Quyền cao nhất cho phép thao tác với thư mục và tệp

Câu 99: Các không gian lưu trữ trên internet có giới hạn dung lượng hay không?

- A. Không, nó là vô hạn
- B. Có
- C. Không kết luận được
- D. Không, vì không gian thì không có dung lượng

Câu 100: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

..... có thể lưu trữ bất kỳ loại tệp nào: ảnh, video, .pdfs, tệp Microsoft Office.

- A. Google Chrome
- B. Google Drive
- C. Microsoft Edge
- D. Cốc Cốc

Câu 101: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

..... cũng có thể lưu tệp đính kèm được gửi thông qua Gmail trực tiếp vào Google Drive, giúp bạn không phải di chuyển thủ công.

- A. Driver
- B. Chatbox
- C. Messenger
- D. Gmail; Google Docs

Câu 102: Cho đoạn thông tin sau, hãy điền vào chỗ chấm bằng cách chọn mỗi mỗi A, B, C, D cho thích hợp trong đoạn sau là:

Tính linh hoạt của nó làm cho Google Drive trở nên tuyệt vời, giúp bạn công việc.

- A. Từ bỏ
- B. Thay đổi
- C. Hoàn thành.
- D. Chiến đấu

Câu 103: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



- A. Google Drive
- B. Google Chrome
- C. FireFox
- D. Outlook Xchange

Câu 104: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



- A. FireFox
- B. iMay+
- C. iCloud+
- D. Google

Câu 105: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



- A. Google One
- B. Google dox
- C. Google chrome
- D. Google team

Câu 106: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



- A. Power
- B. POST
- C. pUp
- D. pCloud

Câu 107: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



- A. MediaFile
- B. MediaFire
- C. MediaMine
- D. MediaWhy

Câu 108: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



- A. UC Brown
- B. OPERA
- C. Microsoft 365
- D. MiLine

Câu 109: Đây là nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ nào?



A. GAMA.nz B. META.nz C. BETA.nz D. MEGA.nz

Câu 110: Đây là cách tải file Google Doc về máy tính?

A. Truy cập vào tài khoản Google Docs → Xóa file muốn tải về máy tính → Chọn “File” → Chọn “Download”

B. Truy cập vào tài khoản Google Docs → Chọn file muốn tải về máy tính → Chọn “File” → Chọn “Download”

C. Truy cập vào tài khoản Google Docs → Chọn file muốn tải về máy tính → Ấn “File” → Chọn “Download”

D. Không đáp án nào đúng

Câu 111: Khi Khoa được chia sẻ Thư mục X với quyền "Người chỉnh sửa", Khoa có thể:

(1) Đổi tên các tệp, thư mục trong Thư mục X nhưng không đổi được tên Thư mục X.

(2) Thêm mới các tệp, thư mục trong Thư mục X.

(3) Chia sẻ Thư mục X cho người dùng khác.

Em hãy chọn phương án đúng.

A. (1), (2), (3) đều đúng. B. (1) đúng, (2) và (3) sai.

C. (1) sai, (2) và (3) đúng. D. (1), (2) đúng, (3) sai.

Câu 112: Đây là địa chỉ URL tìm kiếm?

A. tech12h.com B. newocr.com **C. Google.com** D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 113: Nếu kết quả tìm kiếm chưa được như ý muốn của em thì?

A. Em sử dụng máy tìm kiếm khác

C. Em quay lại nhập từ khóa khác

B. Em sử dụng trình duyệt khác

D. Đáp án khác

Câu 114: Để thực hiện tìm kiếm bằng tiếng nói thì em phải tìm kiếm?

A. Bằng từ khóa nhập từ bàn phím

B. Trình duyệt bằng tiếng nói

C. Bằng từ khóa nhập bằng tiếng nói

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 115: Sau khi đọc từ khóa tìm kiếm thì em nên?

A. Kiểm tra từ khóa sau khi nhập từ bàn phím đã khớp hay chưa

B. Kiểm tra kết quả tìm kiếm

C. Kiểm tra từ khóa được tự động điền sau khi đọc đã khớp hay chưa

D. Đáp án khác

Câu 116: Để thực hiện tìm kiếm bằng tiếng nói thì cần có?

A. Bàn phím B. Con chuột **C. Micro** D. Loa

Câu 117: Để tìm kiếm thông tin dưới các dạng khác nhau thì em cần?

A. Sử dụng hình ảnh để tìm kiếm

B. Chọn dạng phân loại kết quả tìm kiếm

C. Sử dụng video để tìm kiếm

D. Đáp án khác

Câu 118: Khi tìm kiếm thông tin tuyển sinh của một trường đại học thì em nên yêu cầu tìm dưới dạng nào dưới đây?

A. Tệp .pdf B. Hình ảnh C. Bài báo D. Tin tức

Câu 119: Để tìm kiếm thông tin dưới dạng tệp tin pdf thì em cần?

A. Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.docx

B. Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.jpg

C. Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.pdf

D. Đáp án khác

Câu 120: Để thu hẹp phạm vi tìm kiếm thì?

A. Đặt từ khóa cần tìm trong dấu nháy kép

B. Đặt từ khóa trong dấu ngoặc đơn

C. Đặt từ khóa trong dấu ngoặc vuông

D. Rút gọn từ khóa